

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2017

“V/v xin ly hôn và tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/12/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17/8/2017 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thùy O – Sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Xẻo Cui, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn N – Sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 9, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị M - Sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Xẻo Cui, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

4. Người làm chứng: Ông Trần Văn T - Sinh năm 1944 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Xẻo Cui, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/8/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thùy O trình bày:

Vào năm 2015, chị kết hôn cùng với anh Phan Văn N, hôn nhân do được mai mối, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống bên nhà mẹ chị, hạnh phúc với nhau khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi thường xuyên, chồng bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng ly thân với nhau.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Võ Phúc K, sinh ngày 16/01/2016, hiện chị đang nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Nợ mẹ ruột Huỳnh Thị M 165.000.000đ.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, chị O xin được ly hôn với anh Núi; Về con chung, chị xin được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ; về tài sản chung không có nên không yêu cầu, về nợ chung yêu cầu chia đôi mỗi người trả cho mẹ chị 82.500.000đ.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 28/9/2017, bị đơn anh Phan Văn N thống nhất lời trình bày của chị O về quan hệ hôn nhân vợ chồng cưới nhau không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung.

Về phần nợ bà Huỳnh Thị M, anh N thừa nhận vợ chồng có mượn của mẹ vợ nhiều lần, tổng cộng là 165.000.000đ, mượn không có lãi, có viết biên nhận như bà M đưa ra nhưng số tiền này quá trình làm ăn anh đưa tiền cho vợ cất giữ nên anh nghĩ là vợ đã trả rồi không còn thiếu nữa.

Nguyên vọng: Về hôn nhân, anh N không đồng ý ly hôn với chị O; nếu ly hôn thì vợ muốn nuôi con anh sẽ giao cho vợ nếu không nuôi thì giao cho anh nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung, không có nên không yêu cầu.

Về nợ chung, không chấp nhận theo yêu cầu của chị O và bà M, anh cho rằng tiền anh làm ra giao cho vợ giữ thì vợ có trách nhiệm với phần nợ của bà Mừng, anh không đồng ý chia nợ, không đồng ý trả nợ cho bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày: bà là mẹ ruột của chị O, sau khi lấy chồng chị O cùng chồng về sống chung với bà, bà cho mượn đất ruộng để làm, rồi cho mượn tiền để đầu tư làm ruộng, tổng cộng là 165.000.000đ, bà có kêu N viết biên nhận nợ, khi vợ chồng cự cãi N bỏ đi luôn không trả tiền cho bà, thời gian vợ chồng chị O ly thân có lần N cùng gia đình qua gặp bà để dàn xếp và hứa sẽ trả nợ cho bà nhưng không trả, nay ra Tòa N nói là trả cho bà rồi là không đúng.

Nguyên vọng: Bà Mừng yêu cầu chị O và anh N trả cho bà số nợ 165.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Người làm chứng ông Trần Văn T trình bày: Ông là Tổ trưởng Tổ tự quản ấp Xẻo Cui, xã Hòa Thuận. Thời gian N ở nhà bà M thì có xảy ra một số mâu thuẫn ông có đứng ra dàn xếp, khuyên giải, ông cũng biết về số tiền N mượn của mẹ vợ, sau khi N bỏ nhà đi thì có cùng gia đình lên nhà ông gặp mặt bà M và O để giải quyết, tại đây N có nói về số tiền thiếu bà M là 165.000.000đ để vợ chồng N làm trả nhưng vợ phải về bên N sống, cuối cùng hai bên cự cãi rồi bỏ về.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là kiện ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm,

những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của chị O và anh N là không hợp pháp nên đề nghị căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh chị là quan hệ vợ chồng; về con dưới 36 tháng tuổi giao cho chị O nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về nợ chung chia đôi mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà M 82.500.000đ là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Võ Thị Thùy O khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Văn N, về con thì xin được nuôi và xin chia đôi nợ chung được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015). Bà Huỳnh Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chị O, anh N trả lại số nợ vay của bà khi ly hôn và được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị O và anh N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2015, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Xét thời điểm kết hôn của chị O và anh N đã vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuy nhiên quá trình chung sống không có ai yêu cầu hủy hôn nhân này và tại thời điểm anh chị xin ly hôn thì đã đáp ứng đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, còn việc anh chị chung sống mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị O và anh N là hôn nhân không hợp pháp. Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị O và anh N có 01 con chung tên Võ Phúc K, sinh ngày 16/01/2016. Tại phiên tòa, cả chị O và anh N đều có nguyện vọng xin nuôi con, tuy nhiên, xét con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần phải giao cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Anh Phan Văn N không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ chị O yêu cầu cũng là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có, không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị O và anh N đều xác định có vay nợ của bà Huỳnh Thị M 165.000.000đ để đầu tư làm ruộng, vay không có lãi, bà M có cung cấp 02 giấy viết nhận nợ được anh N thừa nhận cộng lại là 155.000.000đ và 10.000.000đ không có biên nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh N cho rằng sau khi thu hoạch mỗi vụ lúa anh đều đưa tiền vợ giữ nên anh nghĩ vợ anh đã trả cho bà M xong nên anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà M, việc này không

được chị O thừa nhận, anh N cũng xác định ngoài vợ chồng anh ra không ai biết. Để chứng minh cho việc vợ chồng anh N chưa trả tiền mình, bà M cung cấp người làm chứng là ông Trần Văn T, ông T xác định buổi gặp mặt của hai bên gia đình tại nhà ông, anh N có nói là số nợ 165.000.000đ thiếu mẹ vợ thì vợ chồng anh sẽ làm trả cho mẹ nhưng vợ anh phải theo anh về bên cha mẹ anh sống. Như vậy, việc trước đây anh N khai nghĩ rằng vợ anh đã trả tiền cho bà M là không phù hợp. Tại phiên tòa, anh N đã thừa nhận số tiền này anh biết vợ anh chưa trả cho mẹ vợ nhưng vì sau khi làm ruộng anh đưa hết tiền cho vợ giữ nên nay anh không có gì để trả nợ cho bà M.

[7] Xét yêu cầu của chị O cũng như bà M về việc xác định nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay theo qui định tại Điều 16 Luật HNGĐ trường hợp này sẽ áp dụng Điều 463, 466 BLDS để giải quyết. Giao dịch do anh N và chị O cùng giao kết với bà M, số tiền vay được sử dụng chung không xác định được phần mà mỗi người sử dụng cho nên việc chia đôi nghĩa vụ trả nợ cũng là phù hợp. Như vậy, chị O và anh N mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà M 82.500.000đ.

[8] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị O phải nộp do có yêu cầu, án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000đ anh N phải nộp. Án phí dân sự có giá ngạch: chị O phải nộp bằng 4.125.000đ ($82.500.000đ \times 5\%$), anh N phải nộp bằng 4.125.000đ ($82.500.000đ \times 5\%$).

Bà Huỳnh Thị M được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 BLDS; Điều 8, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thùy O và anh Phan Văn N là quan hệ vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Võ Phúc K, sinh ngày 16/01/2016 cho chị Võ Thị Thùy O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Phan Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Võ Phúc K mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi Võ Phúc K trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính kể từ tháng 12 năm 2017.

Anh N được quyền tới lui thăm nom con, không ai được phép cản trở.

3/ Về nợ chung: Buộc chị Võ Thị Thùy O có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 82.500.000đ (tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc anh Phan Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 82.500.000đ (tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị O, anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4/ Về án phí: Chị Võ Thị Thùy O phải nộp án phí HNST là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự có giá ngạch bằng 4.125.000đ và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000021, ngày 17/8/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, số tiền án phí còn lại chị Oanh phải nộp là 4.125.000đ (bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Phan Văn N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch bằng 4.125.000đ (bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị M được nhận lại 4.125.000đ (bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000029, ngày 22/8/2017 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

5/ Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/12/2017).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền

